

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TỊNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **77/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 12- 8- 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thượng Trọng Ký

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Võ Dương Băng Hải;

2- Ông Hoàng Văn Tuấn;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Tín- là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 47/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024, Thông báo chuyển ngày xét xử số 449/TB-TA ngày 12/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Phương L**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Đ, thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh **Đặng Công T**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Xóm B, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị **L**, anh **T** đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị **Lê Thị Phương L** trình bày:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh T kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 5 năm 2022 tại UBND xã T. Sau khi kết hôn thời gian đầu thì không có mâu thuẫn đến ngày 10/7/2023 thì phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và hiện nay Chị đã về cha mẹ đẻ ở vào tháng 7/2023. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Hiện nay vợ chồng đã ly thân, phần ai nấy sống, không ai quan tâm ai. Mâu thuẫn của C và anh T không báo với địa phương mà tự giải quyết. Nay, xét thấy tình cảm giữa C và anh T không còn nên Chị yêu cầu TAND huyện Sơn Tịnh, giải quyết cho C được ly hôn với anh T.

2/ *Về con chung:* Có 01 con chung là Đặng Minh P, sinh ngày 23/12/2022. Hiện đang sống cùng với Chị ở thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con. Tại phiên tòa sau khi được Hội đồng xét xử giải thích chị L yêu cầu anh Đặng Công T phải cấp dưỡng cho con 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con Đặng Minh P đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 9 năm 2024.

3/ *Về tài sản chung:* Không yêu cầu giải quyết.

4/ *Về nợ chung:* Vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đặng Công T trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Về tìm hiểu và đăng ký kết hôn đúng như chị L trình bày. Sau ngày kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc ở nhà anh T nhưng khi chị L về nhà cha mẹ đẻ thăm chơi thì anh T có nói về lại nhà anh T trước ngày sinh nhật của chị L 01 ngày thì vợ chồng mâu thuẫn nên chị L không trở về nhà anh T mà ở luôn đó, Anh có đến và nhờ ba mẹ của Anh ra nói chị L về nhưng chị L không về sống với anh để gây dựng hạnh phúc mà đưa đơn ly hôn Anh. Nay, chị L xin ly hôn với Anh thì Anh không đồng ý vì A còn thương vợ, con. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì A đề nghị khi chị L lấy chồng khác thì phải giao con cho anh T nuôi dưỡng.

Về con chung: Có 01 con chung là Đặng Minh P, sinh ngày 23/12/2022. Hiện đang sống cùng với L ở thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý cấp dưỡng cho con Đặng Minh P 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 9 năm 2024.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về hôn nhân: Chị **L** và anh **T** tự tìm hiểu rồi kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **S**, tỉnh Quảng Ngãi. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị **L** có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị **L**, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh, Chị không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và hiện nay đã ly thân với nhau, phần ai nấy sống, anh **T** không đồng ý ly hôn nhưng chị **L** cương quyết ly hôn, đồng thời trong quá trình giải quyết Tòa án đã tạo điều kiện để cho anh **T** và chị **L** đoàn tụ nhưng anh **T** không có phương án nào để hàn gắn cuộc sống chung của vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **L** là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Xét thấy chị **Lê Thị Phương L** và anh **Đặng Công T** có 01 con chung là **Đặng Minh P**, sinh ngày 23/12/2022. Con **Đặng Minh P** hiện nay do chị **L** đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị **L** có yêu cầu nuôi con, đồng thời chị **L** đã nuôi dưỡng cháu **P** từ trước đến nay ổn định và đang ở thôn **T**, xã **B**, huyện **B**, tỉnh Quảng Ngãi nên giao cho chị **L** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con. Chị **L** yêu cầu anh **T** cấp dưỡng cho con **Đặng Minh P** 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 9 năm 2024 thì anh **T** cũng đồng ý cấp dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị **Lê Thị Phương L** nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm phân ly hôn; anh **T** phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm phân cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lê Thị Phương L** đối với anh **Đặng Công T**:

1. Về hôn nhân: Chị **Lê Thị Phương L** được ly hôn với anh **Đặng Công T**.
2. Về con chung: Giao **Đặng Minh P**, sinh ngày 23/12/2022 cho chị **Lê Thị Phương L** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh **Đặng Công T** cấp dưỡng cho con **Đặng Minh P** 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 9 năm 2024.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong. Lãi suất phát sinh chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của một bên, cả hai bên hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.
4. Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét.
5. Về án phí:
 - Chị **Lê Thị Phương L** nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002251 ngày 02-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Chị **L** đã nộp đủ án phí.
 - Anh **Đặng Công T** phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm phần cấp dưỡng nuôi con.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh,
tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh,
tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh,
tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu: Án văn; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thượng Trọng Ký

